

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 1

**Môn: HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS VÀ
LINUX/UNIX**
BÁO CÁO BÀI THỰC HÀNH SỐ 2

Họ và tên sinh viên: Ninh Chí Hường

Mã số sinh viên: B20DCAT094

Họ và tên giảng viên: TS. Đinh Trường Duy

Hà Nội 10/2022 (tháng/năm)

1/ GIỚI THIỆU BÀI THỰC HÀNH

1.1 Mục đích

- Giúp sinh viên hiểu được cách quản trị một nhóm người dùng trong mạng Lan nội bộ.

1.2 Yêu cầu

- Sinh viên đã nắm được nội dung lý thuyết.
- Biết cách cấu hình cơ bản: tạo user, password, phân quyền

2/ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Để quản trị người dùng cục bộ, người dùng quản trị truy nhập “Local User and Group” của “Server manager” như t Để quản trị người dùng cục bộ, người dùng quản trị truy nhập “Local User and Group” của “Server manager” “Active Directory Users and Computers” cung cấp chức năng quản lý các máy tính và người dùng trong miền. Mỗi tài khoản người dùng cần cung cấp các thông tin cơ bản sau:

- Tên người dùng: được dùng để định danh người sử dụng khi truy nhập vào mạng
- Mật khẩu: được gán cho từng tài khoản người dùng và đảm bảo chỉ người dùng được phép mới truy nhập được vào mạng
- Các thuộc tính của tài khoản người dùng như họ tên, số điện thoại, thư điện tử

Với mỗi tài nguyên có ki quyền tiêu biểu như sau:

- Toàn quyền kiểm soát : : bao gồm quyền đọc, ghi, sửa và thực thi đối tượng tài nguyên. Thay thuộc tính và quyền; cũng như lấy quyền sở hữu các lượng tài nguyên

- Sửa (Modify):
- Đọc (Read).
- Ghi (Write):

3/ NỘI DUNG THỰC HÀNH

3.1 Chuẩn bị môi trường

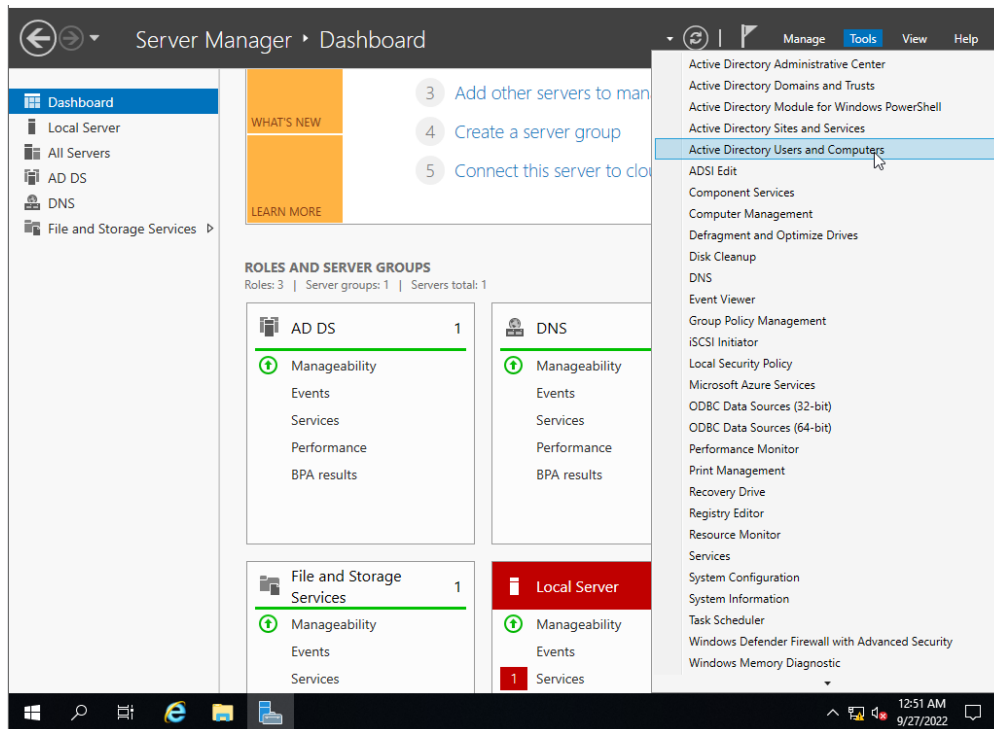
- 1 máy Windows Server đã nâng cấp thành Domain Controller

- 1 máy Windows 7 làm client.

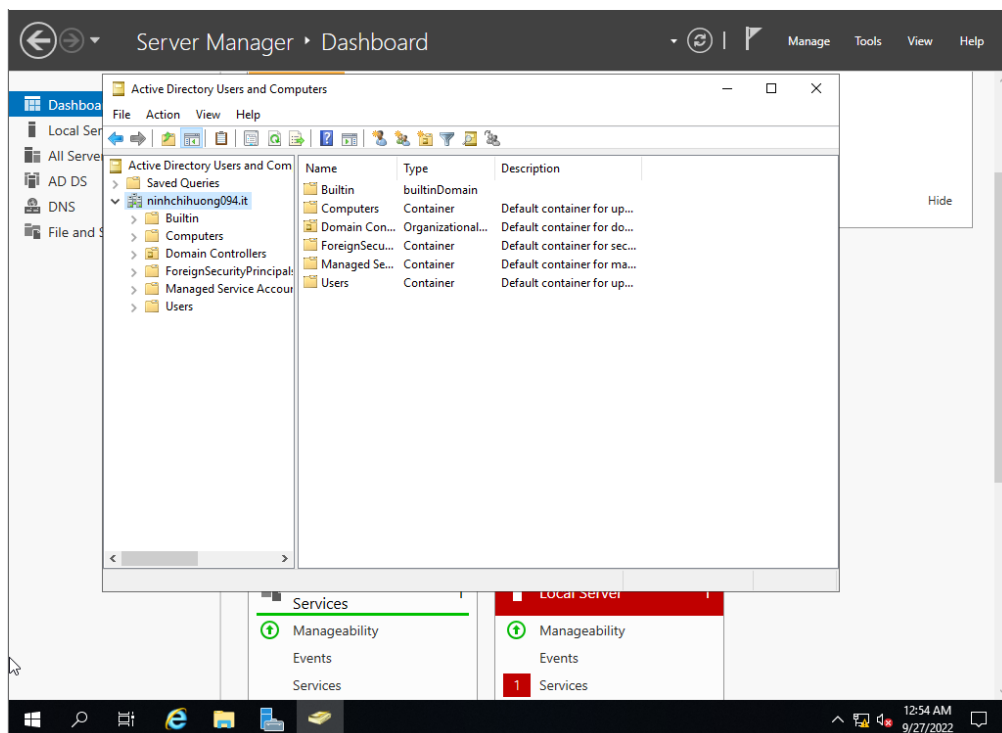
3.2 Các bước thực hiện

3.2.1: Tạo OU

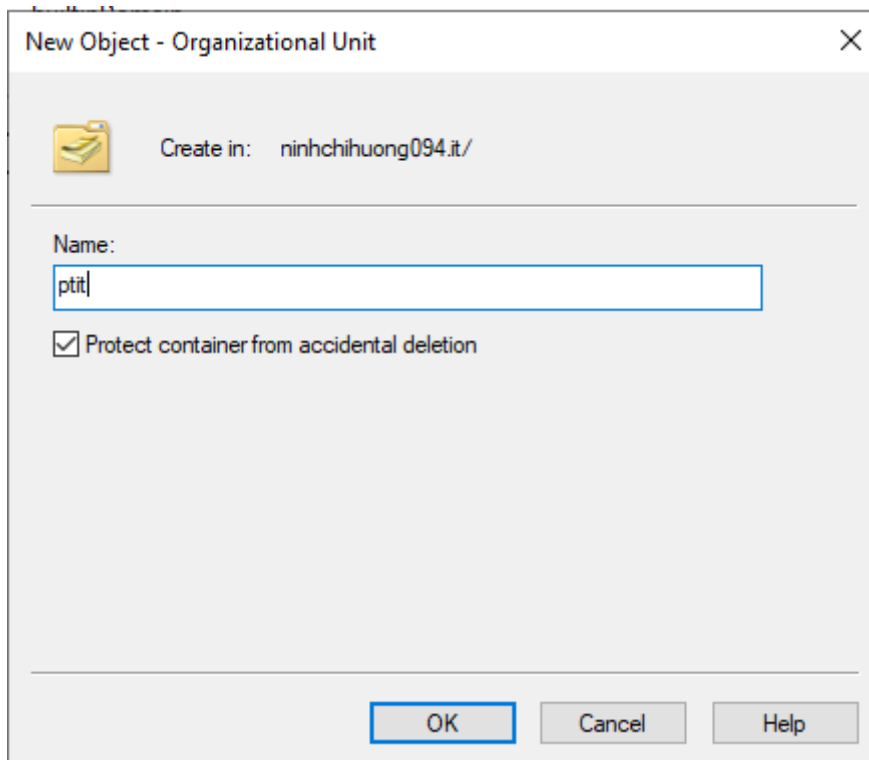
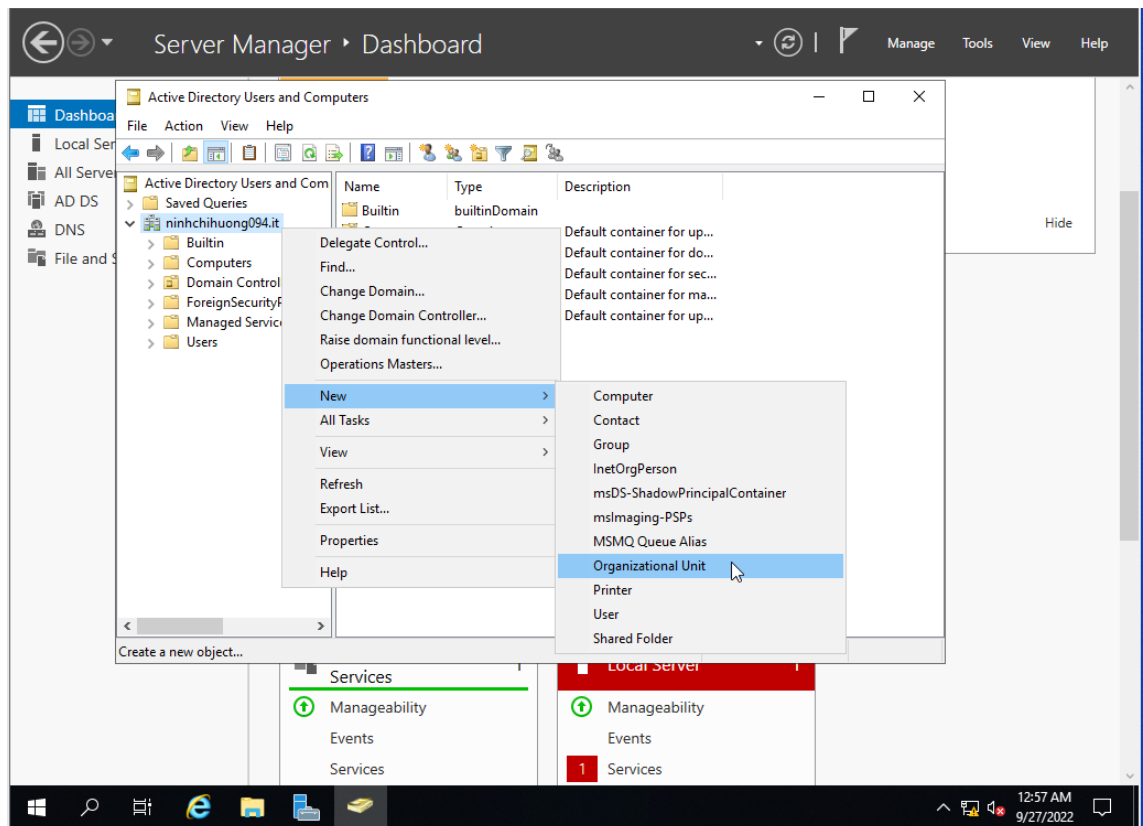
- Mở Server Manager chọn Tools:



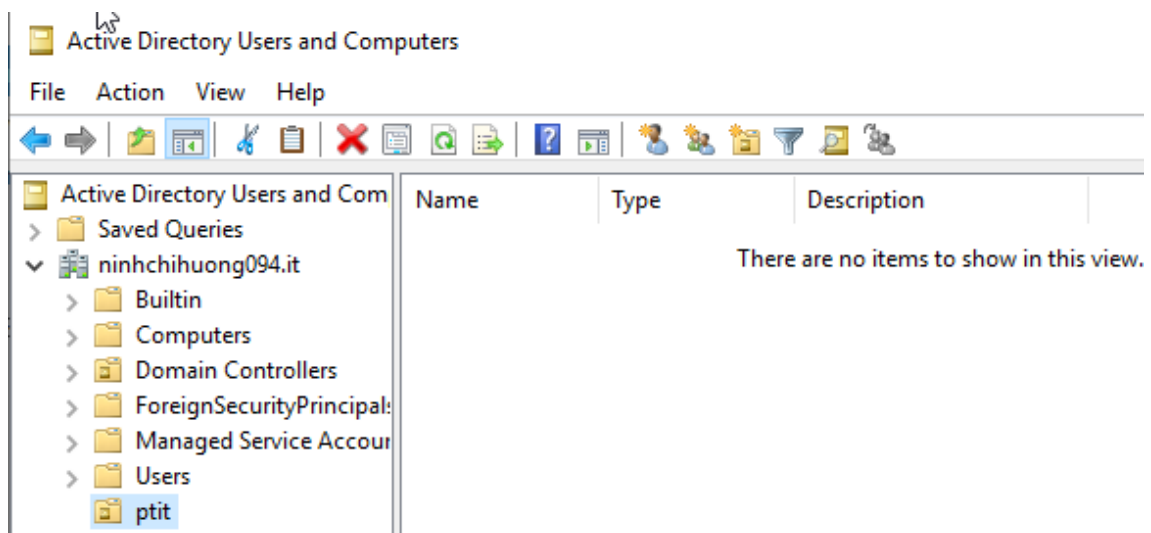
- Sau đó chọn Active Directory Users and Computers:



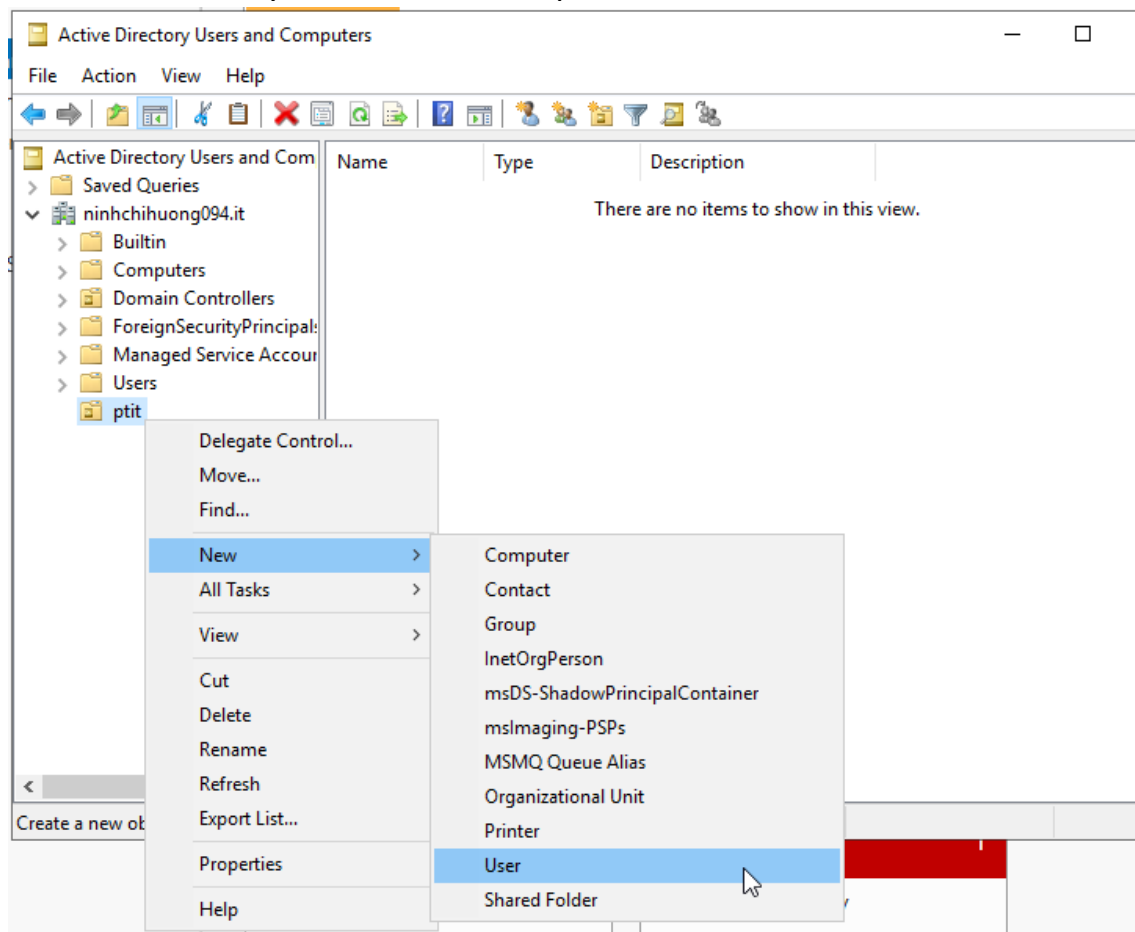
- Tạo OU: Active Direstory Users and Computers -> phanminhtien.it, sau đó ấn chuột phải chọn New -> Organizational Unit



- Đặt tên là ptit -> ok



- Ta đã thấy OU mới có tên là ptit:



3.2.2: Tạo các user thuộc OU:

- Tại OU ptit -> chuột phải chọn New -> User
- Nhập tên User là NCH1 và mật khẩu là stu1.

New Object - User

Create in: ninhchihuong094.it/ptit

First name: NCH1 Initials:

Last name:

Full name: NCH1

User logon name: NCH1 @ninhchihuong094.it

User logon name (pre-Windows 2000): NINHCHIHUONG094\ NCH1

< Back Next > Cancel

- Không đặt được password do yêu cầu pass phải có ít nhất 7 ký tự gồm số, chữ, ký tự đặc biệt, pass phức tạp và phải khỏe.

New Object - User

Create in: ninhchihuong094.it/ptit

Password:

Confirm password:

☐ User must change password at next logon

☐ User cannot change password

☒ Password never expires

☐ Account is disabled

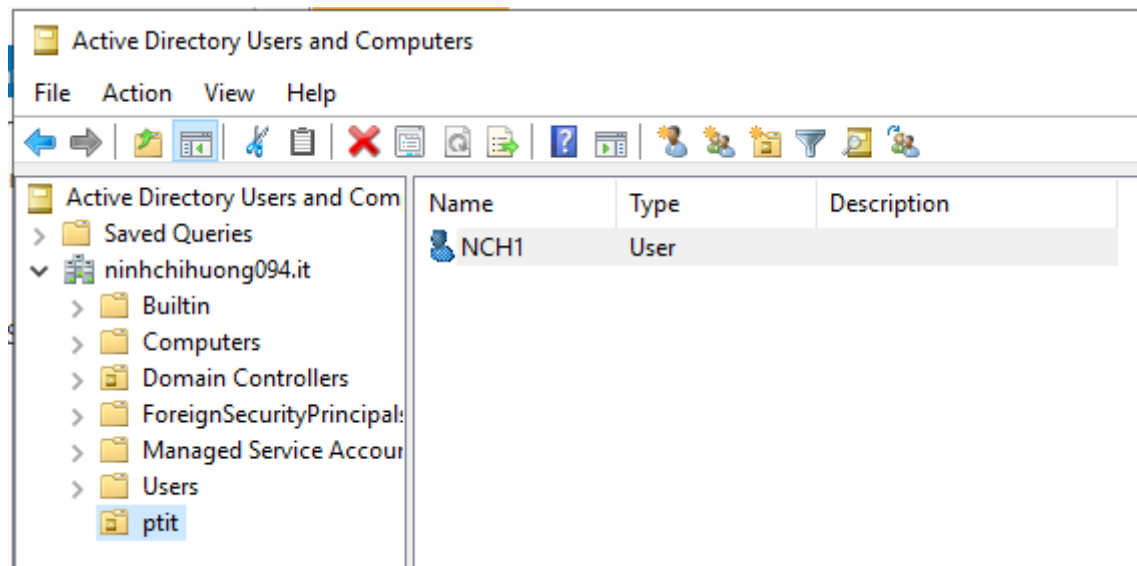
< Back Next > Cancel

Đặt pass cho user là 12345678Aa#

Các lựa chọn cho mật khẩu:

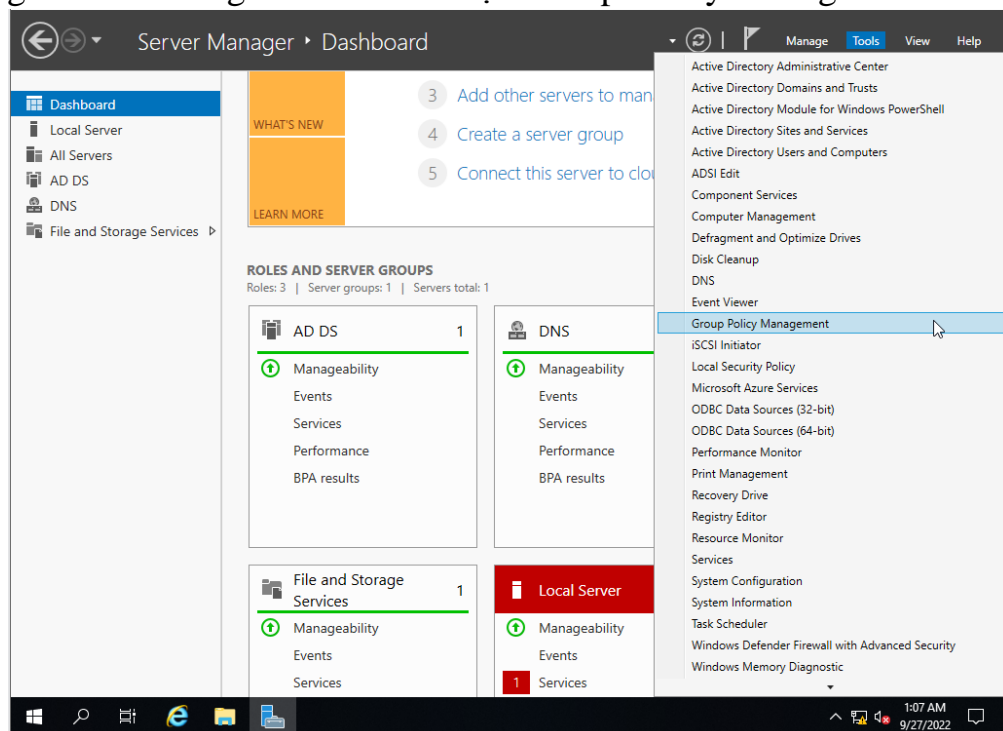
- User must change password at next logon: người dùng phải thay đổi mật khẩu khi đăng nhập vào

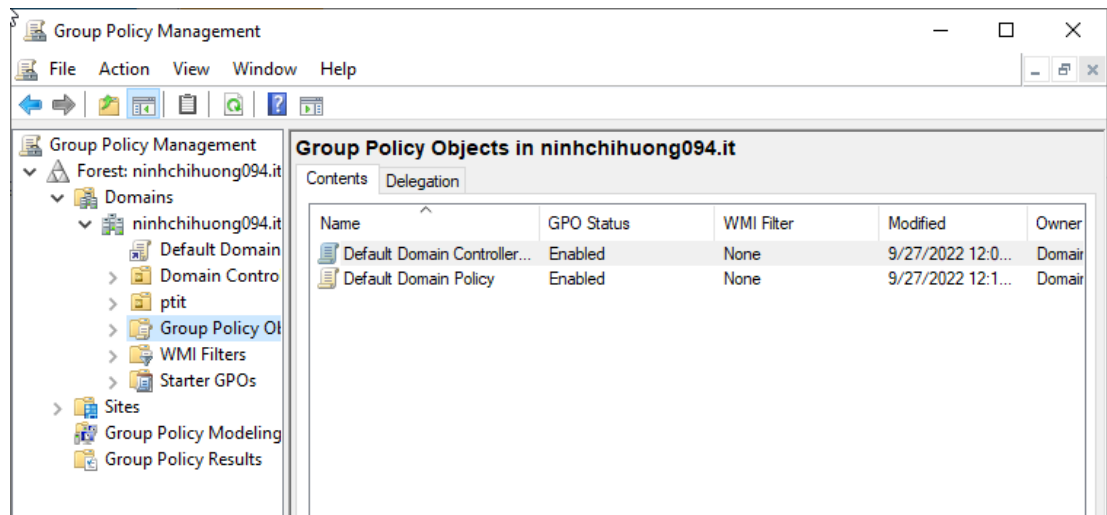
- User cannot change password: người dùng không thể thay đổi mật khẩu
- Password never expires: Mật khẩu không bị hết hạn
- Account is disabled: tài khoản bị vô hiệu



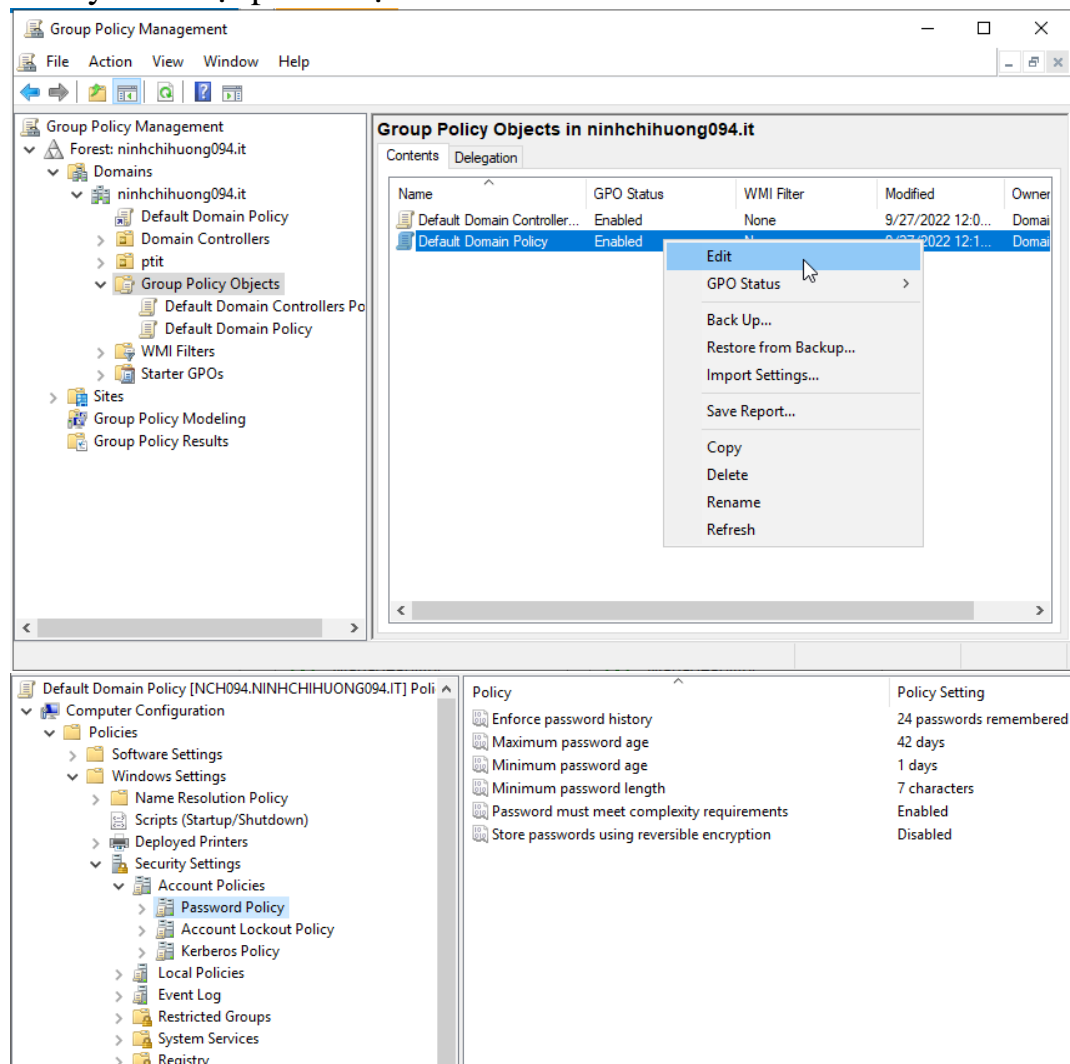
3.2.3: Thiết lập chính sách user và password:

- Trong Server Manager vào Tools chọn Group Policy Management





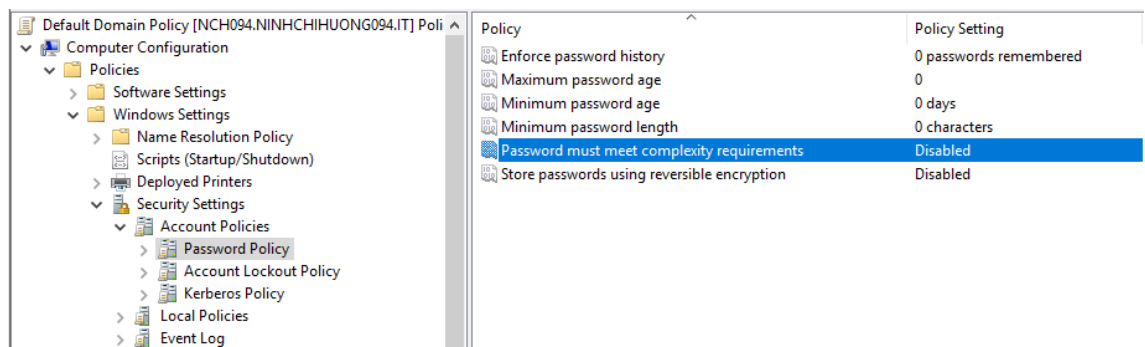
- Chỉnh chính sách password: Group Policy Management -> Forest-> Domains -> cdit.com.vn -> Group Policy Objects-> Default Domain Policy -> chuột phải chọn edit.



- Tại Group Policy Management Editor: Computer Configuration -> Policies -> Windows Settings -> Security Settings -> Account Policies -> Password Policy.

Trong đó:

- **Enforce password history**: số password hệ thống lưu trữ
- **Maximum password age**: thời gian có hiệu lực tối đa của một password
- **Minimum password age**: thời gian có hiệu lực tối thiểu của một password.
- **Minimum password length**: độ dài tối thiểu của một password
- **Password must meet complexity requirements**: yêu cầu password phức tạp.
- **Store passwords using reversible encryption**: độ mạnh của password.



- Chỉnh password về dạng không phức tạp, giảm số lượng ký tự và giảm độ mạnh của password.

```
C:\> Administrator: C:\Windows\system32\cmd.exe
Microsoft Windows [Version 10.0.17763.737]
(c) 2018 Microsoft Corporation. All rights reserved.

C:\Users\Administrator>gpupdate /force
Updating policy...

Computer Policy update has completed successfully.
User Policy update has completed successfully.

C:\Users\Administrator>
```

- Lưu chính sách lại: cmd -> gpupdate /force.

New Object - User [X]

Create in: ninhchihuong094.it/ptit

Password: []

Confirm password: []

☐ User must change password at next logon
☐ User cannot change password
☒ Password never expires
☐ Account is disabled

< Back **Next >** Cancel

Create in: ninhchihuong094.it/ptit

When you click Finish, the following object will be created:

Full name: NCH2

User logon name: NCH2@ninhchihuong094.it

The password never expires.

- Kết quả: tạo user trong OU ptit

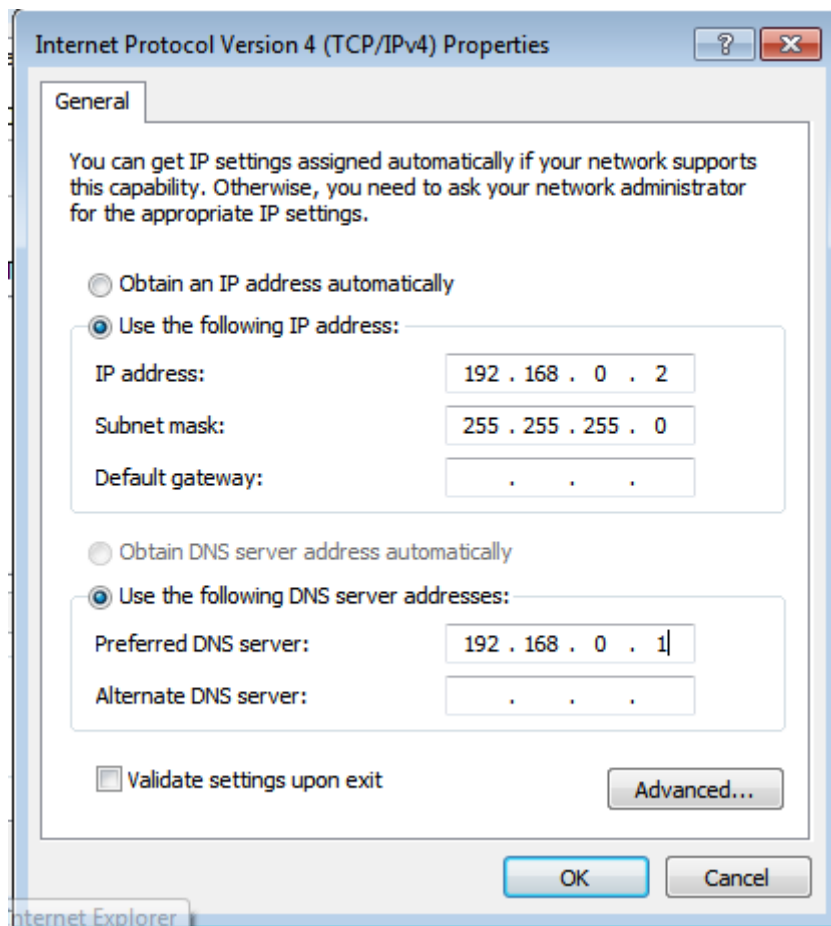
Active Directory Users and Computers

File Action View Help

	Name	Type	Description
Active Directory Users and Com			
> Saved Queries			
▼ ninhchihuong094.it			
> Built-in			
> Computers			
> Domain Controllers			
> ForeignSecurityPrincipal:			
> Managed Service Account			
ptit	NCH1	User	
> Users	NCH2	User	

Phân quyền người dùng

- * Dùng 1 máy Windows 7 làm máy client
- Cấu hình join domain để máy Windows 7 trở thành client.
 - + Cấu hình địa chỉ IP cho máy Windows 7, với DNS là IP của máy Windows Server



```
C:\Windows\system32\cmd.exe
Microsoft Windows [Version 6.1.7601]
Copyright (c) 2009 Microsoft Corporation. All rights reserved.

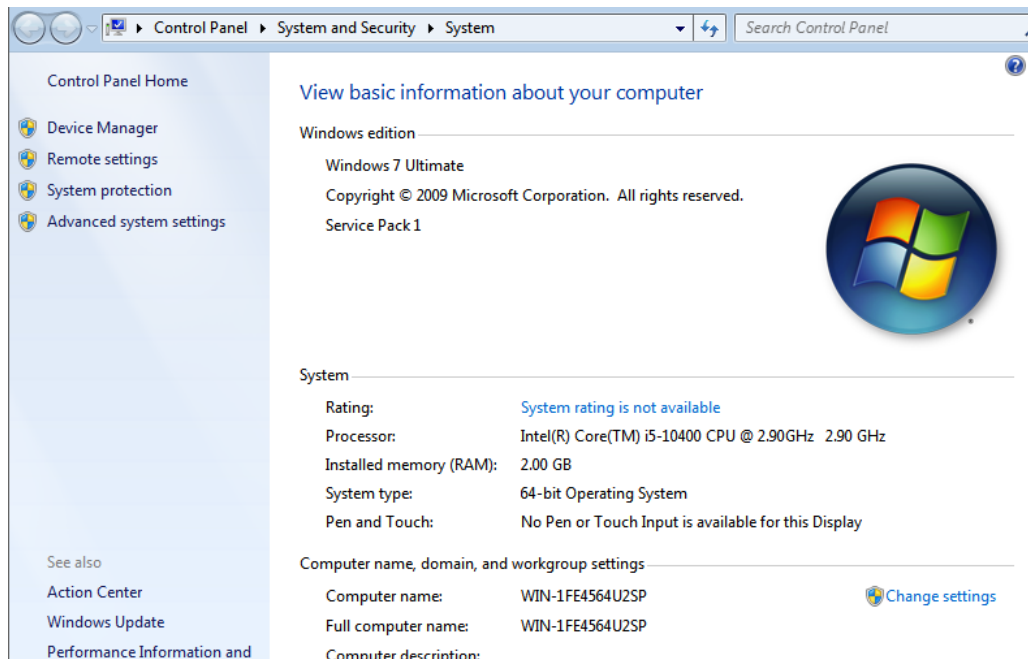
C:\Users\s_v_huongnc>ping 192.168.0.1

Pinging 192.168.0.1 with 32 bytes of data:
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128

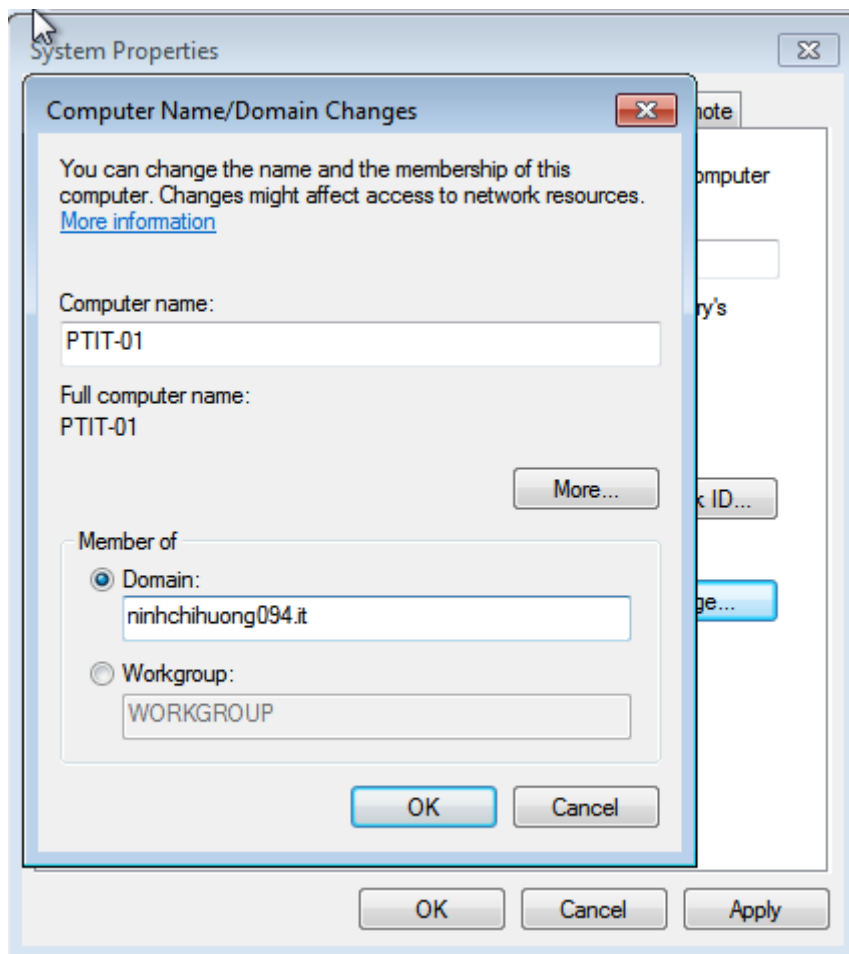
Ping statistics for 192.168.0.1:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 0ms, Maximum = 0ms, Average = 0ms

C:\Users\s_v_huongnc>
```

- + Kiểm tra sự thông nhau giữa 2 máy Windows 7 với Windows Server 2019

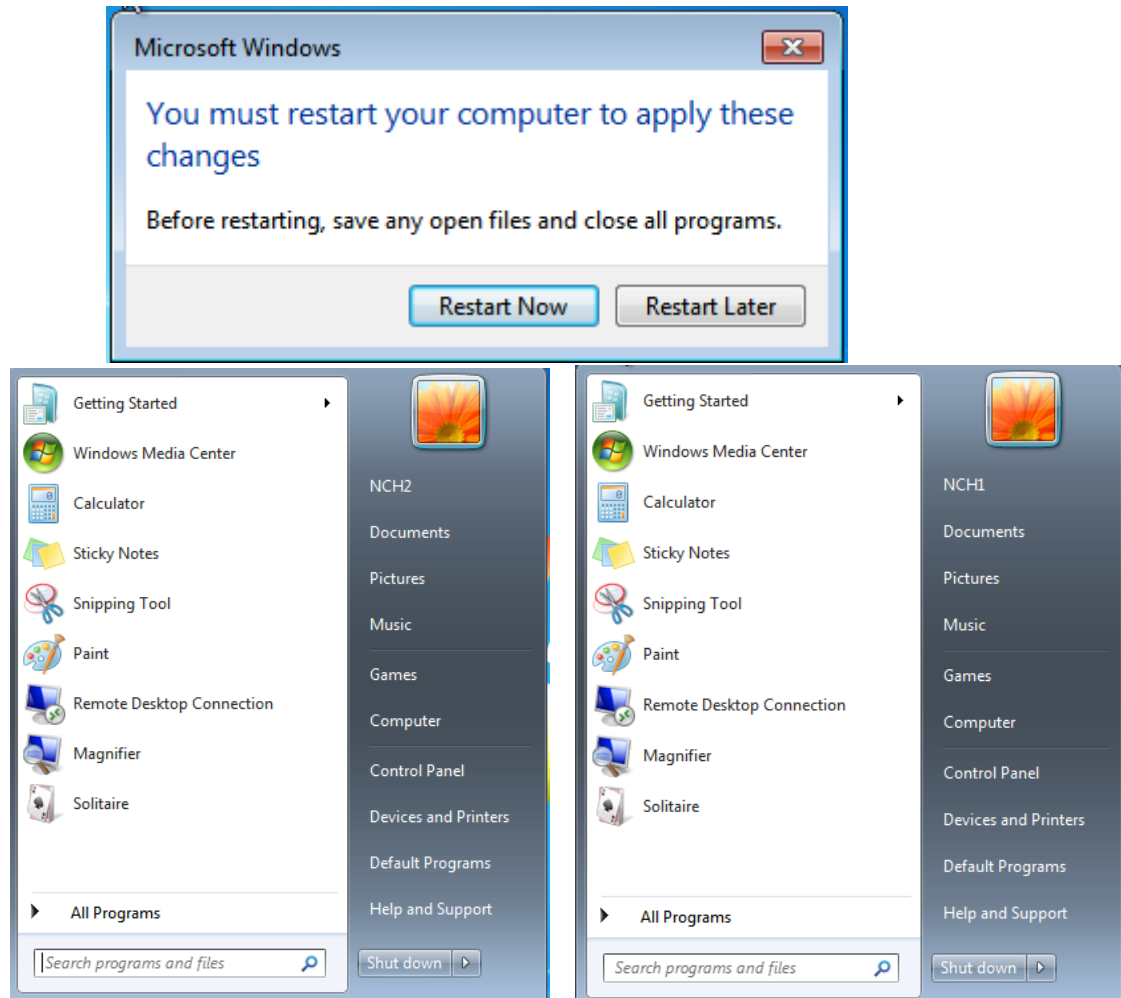


+ Tại Computer -> chuột phải chọn Properties -> chọn Advanced system Settings



+ Nhập user và pass của máy domain Windows Server 2019 → Click Ok

+ Restart now để máy khởi động lại → quá trình join domain hoàn tất



+ Đăng nhập máy Client bằng user u1 và u2 đều được

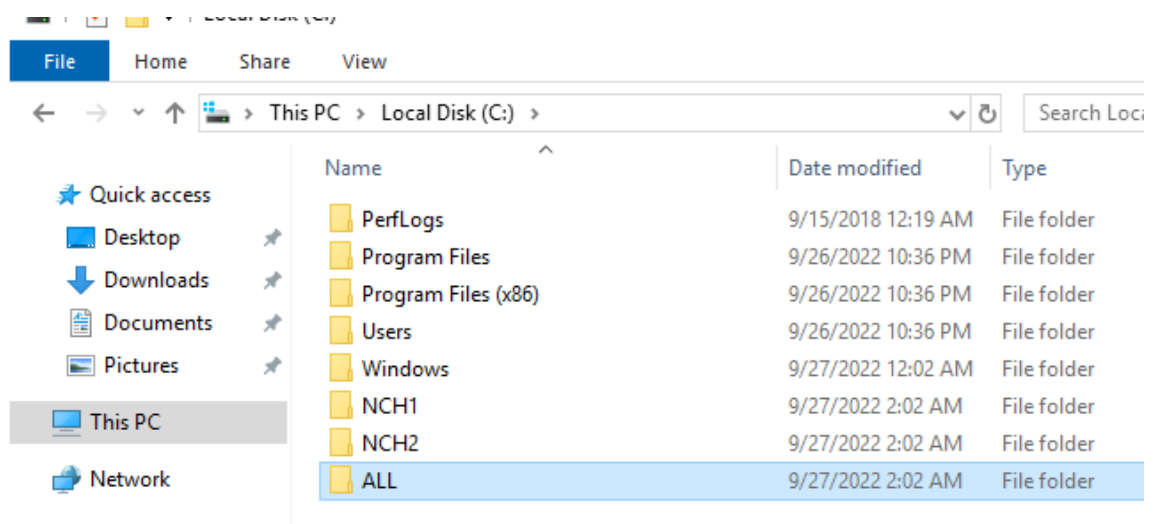
- Phân quyền đăng nhập:

+ Tại máy Windows server tạo 3 folder stu1, stu2, all

o Folder NCH1 chỉ cho user NCH1 truy cập

o Folder NCH2 chỉ cho user NCH2 truy cập

o Folder all cho cả 2 users NCH1 và NCH2 truy cập



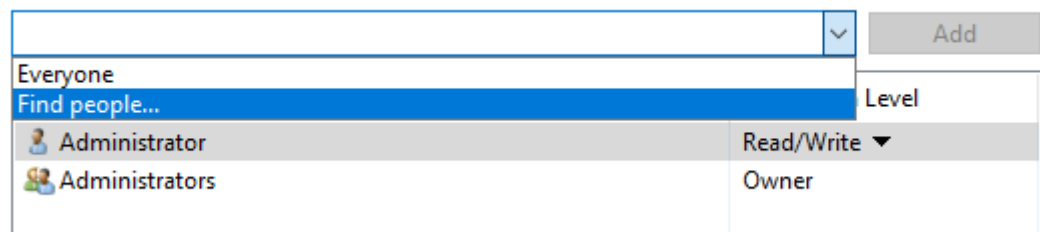
+ Chia sẻ folder NCH1, và phân quyền chỉ cho user NCH1 được truy cập: ấn chuột phải vào folder NCH1 chọn properties → sharing

+ Chọn share

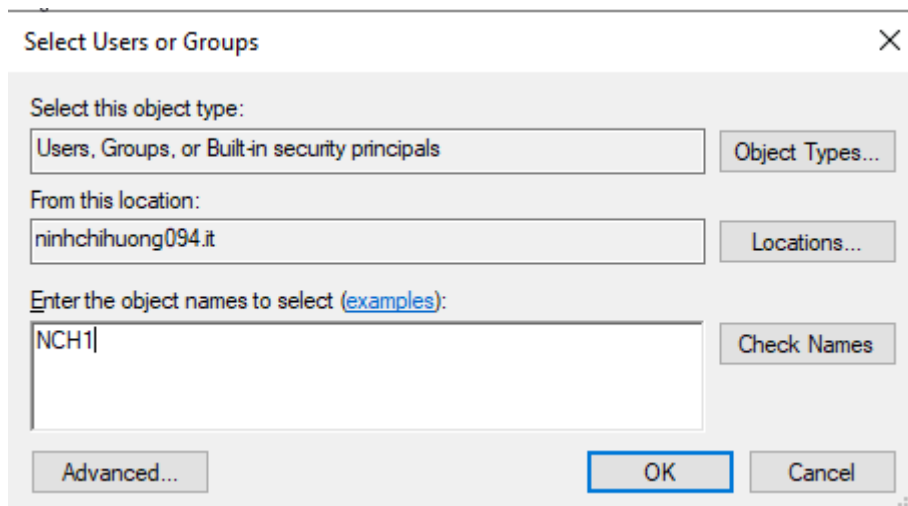


Choose people on your network to share with

Type a name and then click Add, or click the arrow to find someone.

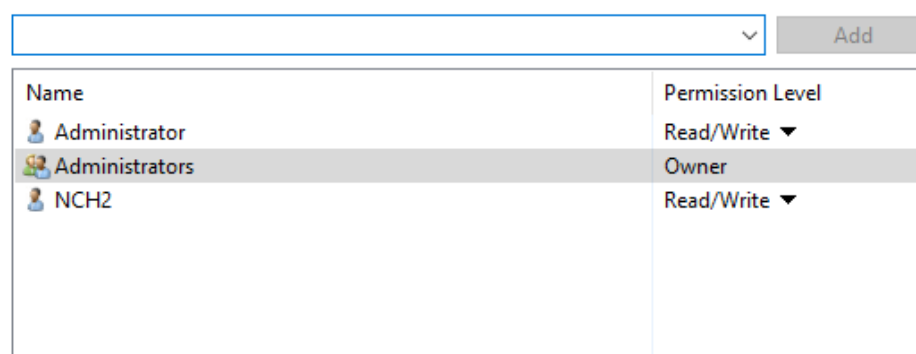
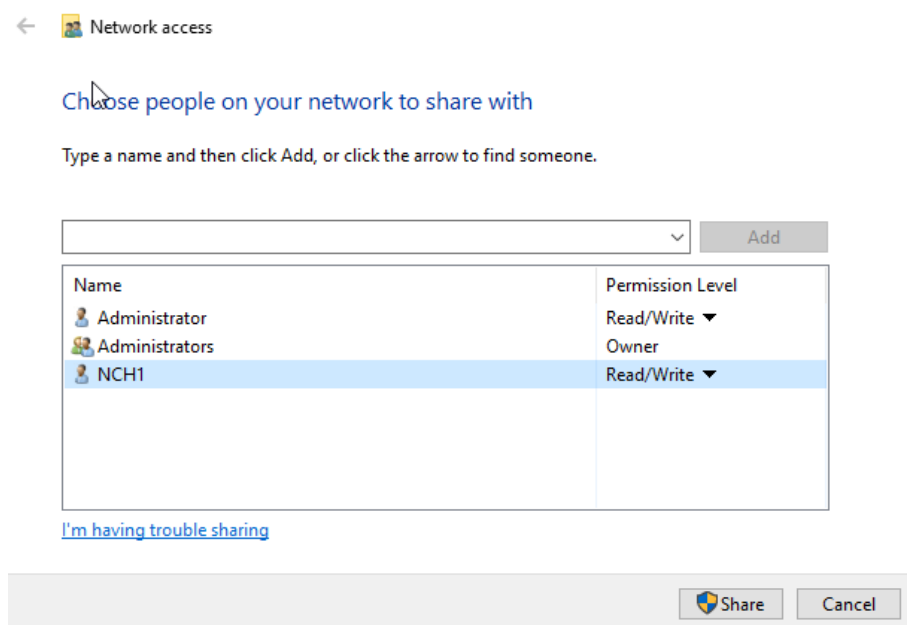


+ Chọn Find people...



+ Nhập ô check names: NCH1

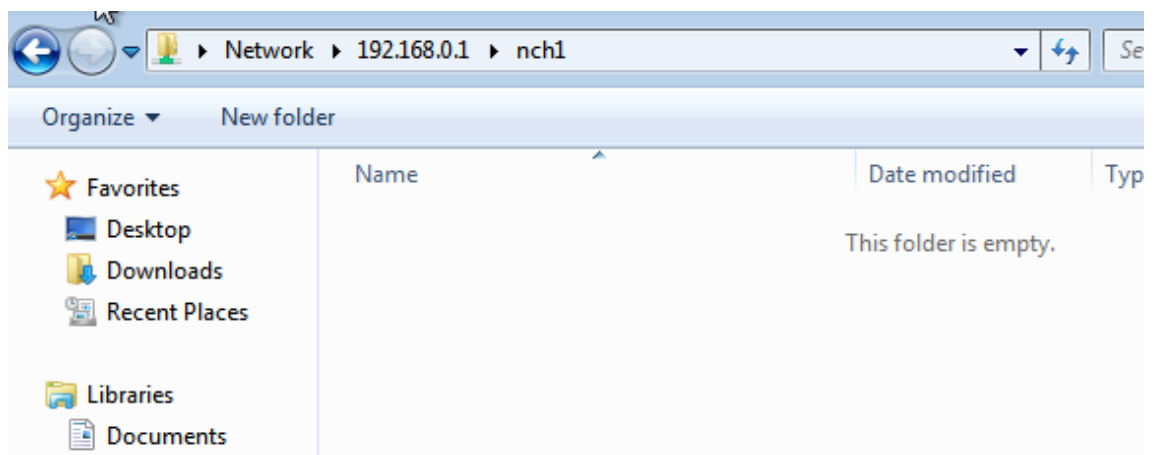
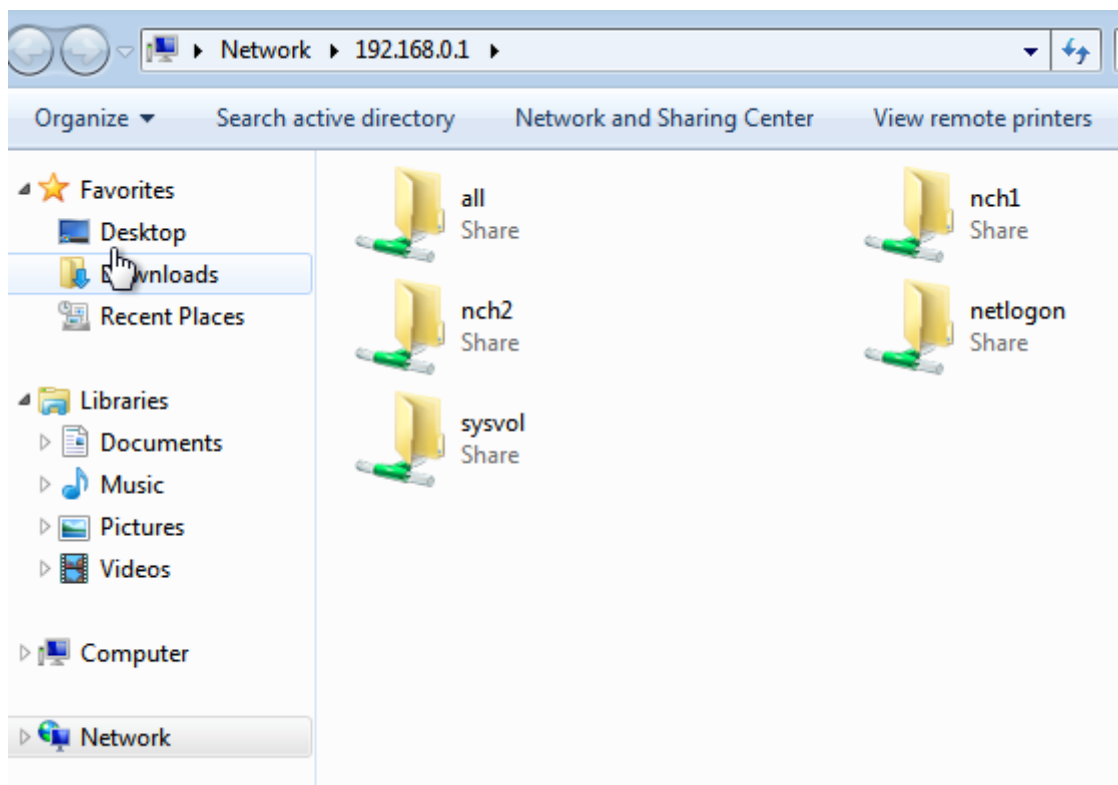
+ Sau khi tìm ra tài khoản NCH1 → ấn share → ấn done. Làm tương tự cho folder NCH2 và all.



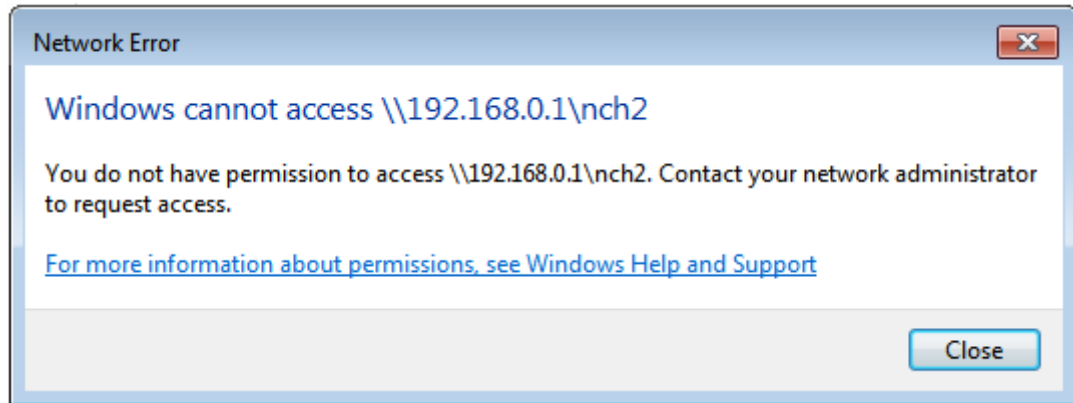
<input type="text"/> <input type="button" value="Add"/>	
Name	Permission Level
Administrator	Read/Write ▼
Administrators	Owner
NCH1	Read/Write ▼
NCH2	Read/Write ▼

+ Kiểm tra:

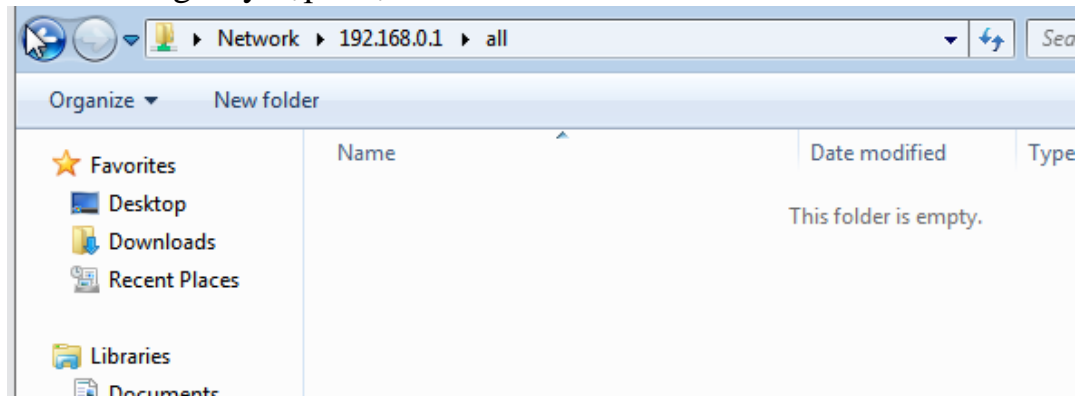
- Đăng nhập máy windows 7 bằng user NCH1.
- Truy nhập vào máy Windows Server



User NCH1 truy cập vào folder NCH1 => ok

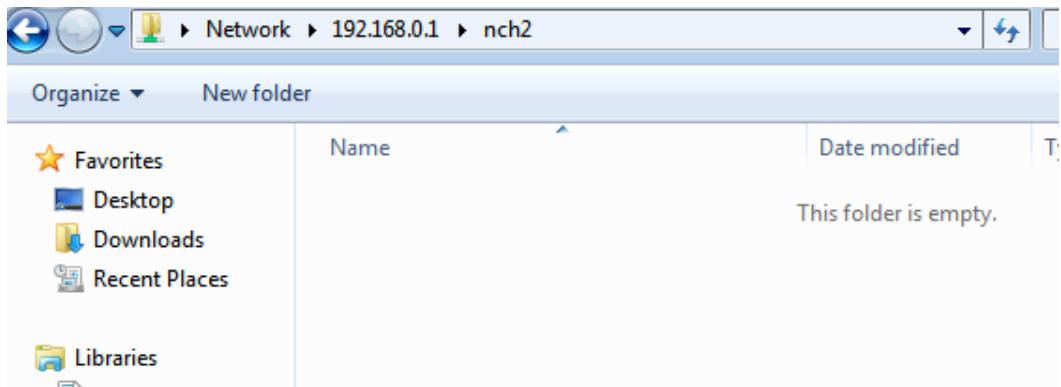


User NCH1 không truy cập được vào folder NCH2

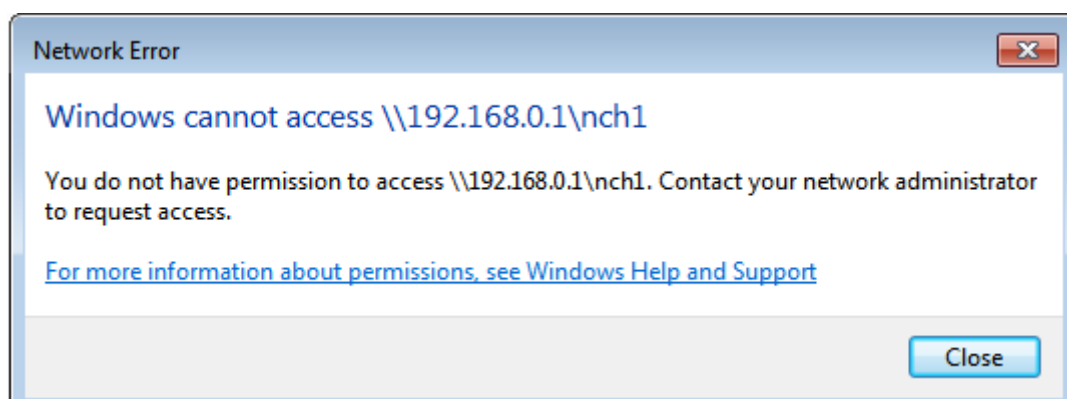


User NCH1 truy cập vào folder ALL => ok

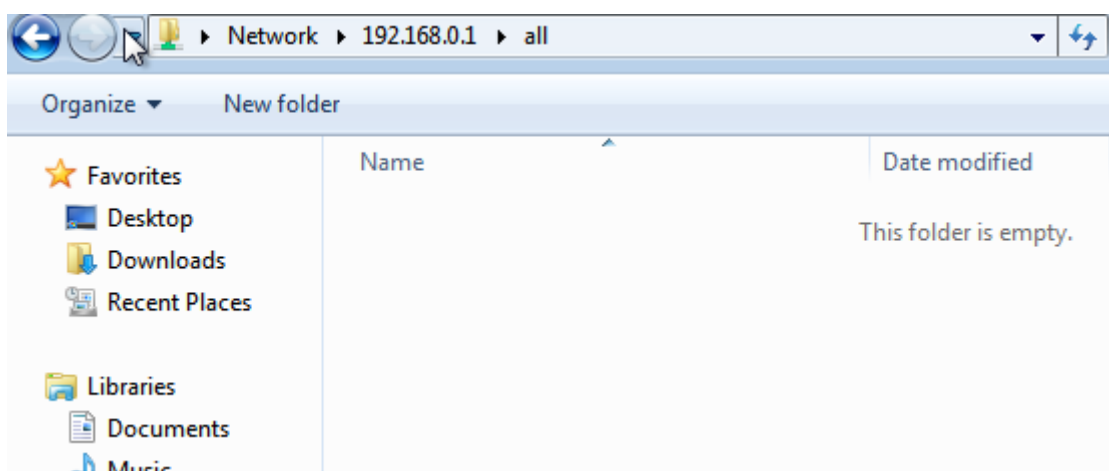
TÀI KHOẢN NCH2



NCH2 vào được folder NCH2



NCH2 không vào được folder NCH1



NCH2 vào được folder ALL